

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v đề nghị phê duyệt Đề án tổ
chức thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính
lên chuyên viên chính

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, có ý kiến cho phép tỉnh Bình Định tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính tại tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Về nội dung Đề án tổ chức thi

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Bộ Nội vụ xem xét Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính tại tỉnh Bình Định, đồng thời xin ý kiến Bộ Nội vụ đối với một số nội dung cụ thể sau:

a) Đối tượng dự thi:

- *Thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính:*

+ Cán bộ làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện.

+ Công chức làm việc tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (kể cả công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm việc tại các ban, chi cục trực thuộc sở và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

+ Cán bộ, công chức theo quy định tại điểm này thuộc diện trong quy hoạch, được cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển về giữ các chức vụ, chức danh cán bộ ở cấp xã.

- *Thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính:*

+ Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Viên chức làm việc tại các bộ phận hành chính, tổng hợp, tổ chức cán bộ, quản trị, văn phòng, kế hoạch, tài chính và các bộ phận không trực tiếp thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Hội đồng thi: Thành lập một Hội đồng thi chung để thực hiện đồng thời nhiệm vụ tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính.

c) Đề thi: Sử dụng thống nhất chung đề thi đối với kỳ thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức hành chính.

d) Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Người dân tộc thiểu số đang làm việc tại Ban Dân tộc.
- Người có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 hoặc tương đương (ngoại ngữ có trình độ tương đương gồm: trình độ C, B1 và tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4.5 điểm trở lên) còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

đ) Miễn thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, ngành đào tạo đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 và Công văn số 2274/BTTTT-CNTT ngày 13/7/2018.

2. Về chỉ tiêu kỳ thi

a) Thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính: Hiện nay, tỉnh Bình Định có **131** cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch chuyên viên chính theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV và Thông tư số 13/2010/TT-BNV. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, phê duyệt chỉ tiêu thi nâng ngạch chuyên viên chính của tỉnh Bình Định là **100 chỉ tiêu** (dự kiến tỷ lệ cạnh tranh ít nhất 10%).

(có Phụ lục danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện dự thi kèm theo)

b) Thi thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính: Thi thăng hạng viên chức không cạnh tranh, người có kết quả thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên (chấm theo thang điểm 100), được xác định là người trúng tuyển; do đó, không đề xuất Bộ Nội vụ giao chỉ tiêu thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long

Phụ lục
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH
(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH																	
1	Nguyễn Thị Liên	06/01/1971	X	Trưởng phòng	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị	11 năm	4,32	01.003	Đại học Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Thị Kim Hiền	21/05/1972	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị	10 năm	3,66	01.003	Đại học Kế toán	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Bích Dân	10/03/1980	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp	14 năm	3,66	01.003	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
	VĂN PHÒNG UBND TỈNH																	
1	Trương Ngọc Lân	21/04/1970		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	24 năm	4,65	01.003	Đại học Nông nghiệp	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH																	
1	Nguyễn Văn Khôi	02/12/1972		Phó Trưởng phòng	Văn phòng Đại diện Ban Quản lý	16 năm	4,65	01.003	Đại học Xây dựng	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Lê Văn Hòa	22/09/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý đầu tư	14 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Hóa học	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
3	Phạm Thị Lệ Quyên	18/07/1973	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Ban	12 năm	3,99	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
4	Võ Thị Hà Giang	26/07/1980	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Ban	13 năm	3,99	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Trung cấp	CVC	KTV	C	X			Tiếng Anh	
5	Huỳnh Thanh Tùng	16/04/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý doanh nghiệp	13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Kinh tế	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
6	Lê Anh Tuấn	09/01/1977		Phó Trưởng phòng	Phòng Quy hoạch xây dựng	13 năm	3,99	01.003	Đại học Kiến trúc	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
	BAN DÂN TỘC																	
1	Đình Văn Lung	25/03/1970		Phó Trưởng ban		17 năm	3,99	01.003	Đại học Kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	CVC	A	DTTS	X		DTTS		
	SỞ CÔNG THƯƠNG																	
1	Võ Tuấn Anh	06/12/1973		Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch tài chính - Tổng hợp	22 năm	4,65	01.003	Ths Kinh tế; Đại học Kế toán	Cao cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
2	Trần Thúc Kham	29/12/1972		Trưởng phòng	Phòng Quản lý Năng lượng	14 năm	4,32	01.003	Kỹ sư Điện khí hóa và cung cấp điện	Trung cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
3	Lê Hồng Tây	22/01/1982		Trưởng phòng	Phòng Quản lý Thương mại	14 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Quản lý tài chính công	Trung cấp	CVC	B	ĐH, B1	X		X		

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
4	Huỳnh Thanh Danh	20/8/1979		Phó Trưởng phòng	Phòng Kỹ thuật an toàn Môi trường	10 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Kỹ thuật Hóa học	Trung cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
5	Võ Thị Thu Hà	06/01/1976	X	Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	14 năm	3,99	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Trung cấp	CVC	CB	ĐH	X		X		
6	Mai Hằng Phương	02/12/1981	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch Tài chính - Tổng hợp	14 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Phân tích tài chính	Trung cấp	CVC	B	IELTS	X		X		
SỔ DU LỊCH																		
1	Trần Thị Thu Thủy	10/10/1982	X	Trưởng phòng	Phòng Quản lý du lịch	11 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Du lịch	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
SỔ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																		
1	Võ Ngọc Sỹ	23/10/1977		Trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ	21 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Toán	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI																		
1	Võ Thừa Thắng	03/04/1977		Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	16 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Hành chính công	Trung cấp	CVC	KTV	C	X			Tiếng Anh	
2	Lê Anh Tuấn	28/01/1977		Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	12 năm	4,32	01.003	Đại học Xây dựng	Cao cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
3	Phạm Ngọc Ân	10/10/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý giao thông	15 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Cầu Hầm	Trung cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
4	Hà Thị Bắc Hải	14/11/1970	X	Kế toán trưởng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	14 năm	3,99	01.003	Đại học Kế toán	Trung cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
5	Phạm Thanh Trà	06/03/1978		Chuyên viên	Phòng Quản lý vận tải	9 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Tin học	Trung cấp	CVC	ThS	B1	X			Tiếng Anh	
SỔ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI																		
1	Phan Đình Hòa	01/03/1974		Phó Giám đốc		21 năm	4,65	01.003	ĐH Kinh tế xây dựng	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Đức Thắng	07/07/1974		Trưởng phòng	Phòng Người có công	23 năm	4,65	01.003	Đại học Tài chính - Kế toán	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Huỳnh Thị Phương Thảo	24/01/1974	X	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tài chính	16 năm	4,65	01.003	Đại học Tài chính - Kế toán	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Thị Thế Vy	05/08/1980	X	Trưởng phòng	Phòng Bảo trợ xã hội	10 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Công tác xã hội	Cao cấp	CVC	TC	ĐH	X	X	X		
5	Nguyễn Ánh Nguyệt	04/11/1977	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	11 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	Trung cấp	CVC	ĐH	B1, C	X	X		Tiếng Anh	
6	Ngô Thị Thanh Thủy	20/08/1982	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới	11 năm	3,66	01.003	Đại học Kế toán	Trung cấp	CVC	TC	CĐ	X			Tiếng Anh	
SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ																		
1	Nguyễn Quang Minh	31/5/1978		Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	TC	CVC	B	ĐH	X		X		
2	Nguyễn Thị Bình	10/12/1982	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch	13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Phân tích tài chính	TC	CVC	KTV	ĐH	X		X		
3	Cao Hoàng Hiếu	07/8/1981	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở	13 năm	3,66	01.003	Đại học Kế toán	TC	CVC	KTV	ĐH	X		X		

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
4	Đường Tùng Lợi	01/3/1976		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở	14 năm	4,32	01.003	Đại học Kế toán	TC	CVC	VP	B2	X			Tiếng Anh	
5	Trần Văn Trí	26/06/1975		Phó Trưởng phòng	Đăng ký kinh doanh	14 năm	4,32	01.003	Đại học Tin học	TC	CVC	ĐH	C	X	X		Tiếng Anh	
6	Nguyễn Thành Hưng	20/10/1975		Chuyên viên	Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư	9 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình thủy lợi	TC	CVC	CB	B, B1	X			Tiếng Anh	
7	Từ Thị Hoa	01/01/1973	X	Chuyên viên	Phòng Khoa giáo, Văn xã	10 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	TC	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ																		
1	Trương Ngọc Phong	20/09/1983		Phó Chánh Văn phòng Sở	Văn phòng sở	10 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Quản lý hành chính	Cao cấp	CVC	KTV	HSK4	X		X		
2	Phan Thị Thủy	15/10/1974	X	Trưởng phòng	Phòng Quản lý chuyên ngành	9 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Cao cấp	CVC	Ths	ĐH	X	X	X		
SỞ NGOẠI VỤ																		
1	Vũ Thị Nô En	13/11/1985	X	Trưởng phòng	Phòng Lãnh sự và NVNONN	10 năm	3,33	01.003	Đại học Quan hệ quốc tế	Cao cấp	CVC	B	D	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Đức Thắng	04/04/1979		Chánh Thanh tra	Thanh tra sở	10 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
3	Nguyễn LêNa	07/11/1982	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Hợp tác quốc tế	13 năm	3,66	01.003	Đại học tiếng Anh	Trung cấp	CVC	VP	ĐH	X			Tiếng Nga	
SỞ NỘI VỤ																		
1	Trần Trung Định	10/8/1973		Chánh Văn phòng Sở	Văn phòng sở	9 năm	3,66	01.003	Đại học Kinh tế	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Văn Bảo	09/11/1983		Phó Trưởng phòng Tổ chức, biên chế	Phòng Tổ chức - Biên chế	12 năm	3,66	01.003	Đại học Hành chính học	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Mai Hồng Quân	02/9/1985		Phó Trưởng phòng Công chức, viên chức	Phòng Công chức, viên chức	10 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Quản lý công	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
4	Trần Thị Thu Lượng	25/11/1980	X	Phó Trưởng phòng Phòng CCHC- VTLT	Phòng Cải cách hành chính - VTLT	10 năm	3,66	01.003	Đại học Giáo dục tiểu học	Cao cấp	CVC	VP	B1	X			Tiếng Anh	
5	Trịnh Nguyễn Huy Hiên	03/02/1982		Trưởng phòng Nghiệp vụ	Ban Tôn giáo	16 năm	3,99	01.003	Đại học sư phạm Giáo dục chính trị, Luật Kinh tế	Cao cấp	CVC	THU D	C	X			Tiếng Anh	
6	Võ Trọng Vinh	03/02/1976		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ, Ban	Ban Thi đua - Khen thưởng	9 năm	3,33	01.003	Đại học Luật	Trung cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
7	Nguyễn Hoài Ngân	05/10/1979	X	Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ	Ban Thi đua - Khen thưởng	10 năm	3,66	01.003	Đại học Giáo dục chính trị	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																		
1	Đình Văn Toại	18/6/1980		Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	15 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Công nghệ sinh học và tin sinh học	Cao cấp	CVC	KTV	B; Thạc sĩ nước ngoài	X		X		
	SỞ TÀI CHÍNH																	
1	Lê Thị Thu Hiền	10/02/1980	X	Chuyên viên	Phòng Quản lý ngân sách	14 năm	3,99	01.003	Đại học	Trung cấp	CVC	TC	C	X	X		Tiếng Anh	
2	Lê Quang Nghĩa	10/04/1981		Chuyên viên	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp	11 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Trung cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
3	Phù Thị Xuân Dương	17/02/1983	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý ngân sách,	10 năm	3,33	01.003	Đại học Kế toán	Trung cấp	CVC	KTV	C	X			Tiếng Anh	
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG																		
1	Châu Thái Quy	11/06/1975		Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	13 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản lý công	Cao cấp	CVC	Đại học	B1	X			Tiếng Anh	
2	Trương Bá Vinh	20/10/1980		Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên khoáng sản	13 năm	3,99	01.003	Đại học ngành Địa chất	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Hồ Đắc Khánh	02/09/1985		Phó Chánh Văn phòng Sở	Văn phòng sở	10 năm	3,33	01.003	Đại học hành chính	Trung cấp	CVC	B	B2	X			Tiếng Anh	
4	Trần Đình Trung	10/03/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Bảo vệ môi trường	13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Quản lý môi trường	Trung cấp	CVC	VP	C	X			Tiếng Anh	
5	Nhữ Thị Hoàng Yến	10/06/1979	X	Trưởng phòng	Chi cục Bảo vệ môi trường	16 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Công nghệ môi trường	Trung cấp	CVC	VP	ĐH	X		X		
SỞ TƯ PHÁP																		
1	Nguyễn Thị Hạnhh	19/06/1976	X	Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	10 năm	3,66	01.003	Đại học Luật	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Tạ Thị Thanh Huyền	13/04/1981	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng sở	13 năm	3,66	06.031	Đại học Kinh tế	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
3	Hồ Mỹ Ngọc Chân	25/07/1983	X	Trưởng phòng	Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật	10 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Luật	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
4	Trần Thị Túy	13/05/1980	X	Phó Trưởng phòng	Phòng XDKTVBQPPL và TDTHPL	11 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Luật	Trung cấp	CVC	KTV	B1	X			Tiếng Anh	
5	Trương Hoài Nam	26/05/1977		Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính và Bồ trợ tư pháp	12 năm	3,99	01.003	Đại học Luật	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO																		
1	Huỳnh Hiệp An	08/05/1972		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý văn hóa Gia đình	15 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Âm nhạc	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
2	Võ Hoài Đức	31/05/1984		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý văn hóa Gia đình	10 năm	3,33	01.003	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
3	Lục Văn Dũng	11/01/1975		Trưởng phòng	Phòng Quản lý thể dục thể thao	12 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trung cấp	CVC	A	B1	X			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	SỞ Y TẾ																	
1	Lương Thế Thiết	15/02/1969		Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Cán bộ	10 năm	4,32	01.003	Đại học Lưu trữ	Trung cấp	CVC	ĐH	C	X	X		Tiếng Anh	
2	Trương Thị Thu Hương	29/12/1971	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Dược	25 năm	4,65	01.003	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Thu	10/12/1979	X	Trưởng phòng	Chi cục DS-KHHGĐ	12 năm	3,66	01.003	Đại học Luật	Trung cấp	CVC	ĐH	ĐH	X	X	X		
4	Phan Thị Thu Hương	01/10/1972	X	Phó Trưởng phòng	Chi cục DS-KHHGĐ	13 năm	4,65	01.003	Thạc sĩ Khoa học xã hội	Trung cấp	CVC	B	ĐH	X		X		
	SỞ XÂY DỰNG																	
1	Lê Anh Sơn	20/10/1976		Phó Giám đốc		16 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	CB	B1	X			Tiếng Anh	
2	Tô Phan Thị Mộng Thùy	21/11/1978	X	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra sở	11 năm	3,99	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	KTV	C	X			Tiếng Anh	
3	Trần Quang Minh	25/12/1974		Phó Trưởng phòng	Phòng Hạ tầng kỹ thuật	13 năm	3,99	01.003	Đại học Xây dựng dân dụng và công	Trung cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
	UBND THÀNH PHỐ QUY NHƠN																	
1	Nguyễn Quốc Thịnh	19/08/1979		Phó Chủ tịch		10 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Kinh tế	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Công Vình	17/09/1968		Phó Chủ tịch		24 năm	4,65	01.003	Đại học Xây dựng	Cao cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
3	Trương Thanh Ngà	23/01/1969		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	12 năm	4,32	01.003	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Minh Hải	13/08/1980		Chuyên viên	Văn phòng HĐND và UBND	11 năm	3,33	01.003	Đại học Hóa học	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
5	Trần Tiến Khoa	02/07/1983		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	10 năm	3,33	01.003	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	TC	ĐH	X	X	X		
6	Nguyễn Thái Diễm	16/11/1977		Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị	14 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản lý xây dựng	Cao cấp	CVC	TC	C	X	X		Tiếng Anh	
7	Phan Tuấn	14/12/1968		Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	26 năm	4,98 + VK 9%	01.003	Thạc sĩ Quản lý công	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
8	Mai Ngọc Tình	06/11/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế	17 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản lý công	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
9	Phan Tuấn Hoàng	02/02/1982		Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	13 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
	UBND THỊ XÃ AN NHƠN																	
1	Bùi Văn Cư	01/05/1967		Phó Chủ tịch		15 năm	3,99	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Đình Chương	21/02/1972		Trưởng phòng	Phường Quản lý đô thị	18 năm	4,32	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	VP	C	X			Tiếng Anh	
3	Lê Hoài An	26/10/1980		Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	13 năm	3,66	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Thị Hữu Tân	06/03/1981	X	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	13 năm	3,66	01.003	Đại học Luật	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
5	Tô Hồng Phương	30/12/1967		Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	24 năm	4,98	01.003	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
6	Lê Quang Huy	29/08/1979		Chuyên viên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	15 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Công nghệ hóa và thực	Trung cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
UBND THỊ XÃ HOÀI NHƠN																		
1	Phạm Văn Chung	24/04/1980		Phó Chủ tịch		13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Kinh tế	Cao cấp	CT-HC	KTV	B1	X			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Xuân Tú	03/02/1981		Bí thư Đảng ủy	Cán bộ HĐND thị xã luân chuyển	11 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Luật	Cao cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
3	Trần Chí Trung	02/10/1980		Phó Trưởng ban	Ban Pháp chế	13 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Luật	Cao cấp	CT-HC	B	C	X			Tiếng Anh	
4	Ngô Đình Ty	01/01/1980		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	13 năm	3,99	01.003	Đại học Trồng trọt	Cao cấp	CT-HC	A	C	X			Tiếng Anh	
5	Trương Nam Phong	02/09/1985		Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	10 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Kinh tế phát triển	Cao cấp	CT-HC	A	ĐH	X		X		
6	Võ Đông Giang	17/08/1983		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	12 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Hành chính	Cao cấp	CVC	A	HSK4	X		X		
7	Đặng Đức Toàn	20/09/1979		Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	13 năm	3,99	01.003	Đại học Kinh tế	Cao cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
8	Hoàng Thị Bích Chuyên	05/12/1980	X	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10 năm	3,99	01.003	Đại học Kinh tế	Cao cấp	CVC	B	B1	X			Tiếng Anh	
UBND HUYỆN AN LÃO																		
1	Lê Văn Thanh	08/02/1972		Phó Chủ tịch		24 năm	4,98	01.003	Đại học Kinh tế	Cao cấp	CVC	B	C; H're	X		X		
2	Nguyễn Trục	03/06/1965		Trưởng ban	Ban Kinh tế	10 năm	4,98	01.003	Đại học Kinh tế	Cao cấp	CVC	B	B; H're	X		X		
3	Nguyễn Thanh Tùng	21/10/1976		Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	18 năm	4,32	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	B	B; H're	X		X		
4	Huỳnh Tân	02/01/1972		Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	16 năm	4,65	01.003	Thạc sĩ Chính sách công	Cao cấp	CVC	B	C; H're	X		X		
5	Đinh Văn Phú	03/06/1905		Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	12 năm	3,66	01.003	ĐH Kinh tế NN&PTNT	Cao cấp	CVC	CB	B; DTTS	X		X		
6	Phạm Thanh Chung	21/01/1969		Trưởng phòng	Phòng Dân tộc	15 năm	4,65	01.003	ĐH Kế toán	Cao cấp	CVC	A	B; H're	X		X		
7	Nguyễn Văn Hà	24/07/1975		Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo	23 năm	4,65	01.003	Th.S Quản lý Giáo dục	Cao cấp	CVC	B	B1; H're	X		X		
8	Huỳnh Minh Thắng	08/08/1968		Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	22 năm	4,65	01.003	ĐH Xây dựng	Cao cấp	CVC	CB	B; H're	X		X		
UBND HUYỆN HOÀI AN																		
1	Hoàng Quốc Tuấn	09/03/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ	9 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	CVC	VP	B1	X			Tiếng Anh	
2	Trương Thị Linh	21/03/1982	X	Phó Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	10 năm	3,33	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CT-HC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Vũ Thành Minh	21/11/1982		Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	9 năm	3,66	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	UBND HUYỆN PHÙ CÁT																	
1	Bùi Quốc Nghị	03/6/1974		Phó Chủ tịch		17 năm	3,99	01.003	Cử nhân Luật	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
2	Hà Trọng Dương	14/02/1982		Cánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	14 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Luật kinh tế	Cao cấp	CVC	ĐH	C	X	X		Tiếng Anh	
3	Hồ Văn Tuấn	21/11/1976		Trưởng phòng	Phòng Y tế	18 năm	3,99	01.003	Bác sỹ Chuyên khoa II	Trung cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
4	Phạm Văn Thịnh	10/11/1976		Bí thư Đảng ủy xã Cát Tường	Cán bộ luân chuyển	18 năm	4,32	01.003	Thạc sỹ Kinh tế phát triển	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
	UBND HUYỆN PHÙ MỸ																	
1	Đặng Thanh Hoàng	07/02/1974		Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	14 năm	3,99	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	A	C	X			Tiếng Anh	
2	Lương Văn Khánh	17/08/1971		Trưởng phòng	Phòng Y tế	14 năm	4,32	01.003	Bác sĩ CKII	Cao cấp	CVC	CB	B1	X			Tiếng Anh	
3	Trần Minh Tuấn	01/02/1972		Trưởng phòng	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10 năm	3,99	01.003	Đại học Kinh tế nông nghiệp	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
4	Ngô Vũ Hải	06/04/1979		Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	17 năm	3,99	01.003	Đại học Quản trị kinh doanh	Cao cấp	CVC	CB	ĐH	X		X		
5	Võ Lê Thi Văn	07/02/1975		Phó Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	11 năm	4,32	01.003	Đại học Văn hóa	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
6	Nguyễn Ngọc Hạnh	06/12/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	10 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Kỹ thuật	Cao cấp	CVC	KTV	B1	X			Tiếng Anh	
7	Huỳnh Quốc Việt	14/06/1981		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	14 năm	3,66	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	ĐH	B1	X	X			
	UBND HUYỆN TÂY SON																	
1	Nguyễn Thị Thống	10/08/1984	X	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	11 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Nông nghiệp	Cao cấp	CVC	KTV	B1, C	X			Tiếng Anh	
2	Hồ Nữ Hồng Hoa	30/11/1977	X	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp	17 năm	3,99	01.003	Đại học Luật	Cao cấp	CVC	B	C	X			Tiếng Anh	
3	Mai Xuân Hậu	16/09/1971		Phó Trưởng phòng	Bí thư Đảng ủy xã Tây Bình (cán bộ luân chuyển)	10 năm	4,98	01.003	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Cao cấp	CVC	CB	B1	X			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Xuân Hùng	05/06/1969		Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	11 năm	3,66	01.003	Đại học Quản lý đất đai, Luật	Cao cấp	CVC	CB	C	X			Tiếng Anh	
	UBND HUYỆN VÂN CANH																	
1	Nguyễn Thành Đô	02/05/1983		Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	14 năm	3,66	01.003	Thạc sĩ Quản lý hành chính nhà nước	Cao cấp	CVC	B	ThS nước ngoài	X		X		
2	Nguyễn Minh Hải	06/02/1971		Phó Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin	13 năm	4,32	01.003	Đại học Kinh tế	CC	CVC	B	B; Chăm	X		X		

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ LLCT	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
	UBND HUYỆN VINH THẠNH																	
1	Nguyễn Đình Ngân	06/12/1980		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	16 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Cao cấp	CT-HC	KTV	B1	X			Tiếng Anh	
2	Mang Văn Ráng	02/03/1978		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND	17 năm	3,99	01.003	Đại học Quản lý đất đai	Trung cấp	CVC	CB	C	X		X		Chứng chỉ Bana
3	Võ Thị Thúy Vân	20/12/1978	X	Phó Trưởng ban	Ban Pháp chế HĐND	15 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Luật Kinh tế	Trung cấp	CVC	CB	B1	X			Tiếng Anh	
4	Đặng Hữu Lập	25/03/1977		Trưởng phòng	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	13 năm	4,32	01.003	Đại học Ngữ văn	Cao cấp	CVC	CB	C	X		X		Chứng chỉ Bana
5	Từ Chí Thiện	13/12/1980		Trưởng phòng	Phòng Dân tộc	16 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ quản lý giáo dục	Cao cấp	CVC	B	B1	X		X		Chứng chỉ Bana
6	Đinh Xuân Thảo	24/05/1981		Phó Trưởng phòng	Phòng Dân tộc	10 năm	3,33	01.003	Cử nhân sư phạm giáo dục chính trị	Cao cấp	CVC	CB	C	X		X		Chứng chỉ Bana
7	Trần Thị Ánh Chung	22/10/1976	X	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9 năm	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	Cao cấp	CVC	CB	C	X		X		Chứng chỉ Bana

Tổng số cán bộ, công chức đủ điều kiện: 131 người.

Ghi chú: Thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương: tính đến ngày 30/9/2020./.